

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH**



DỰ THẢO (SỬA ĐỔI)

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH**

Hà Nội, tháng 06 năm 2021.

MỤC LỤC
CHƯƠNG I
CÁC QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hình thức pháp lý	6
Điều 2: Tên và biểu tượng của Công ty	6
Điều 3: Con dấu của Công ty	6
Điều 4: Trụ sở Công ty, chi nhánh và văn phòng đại diện	6
Điều 5: Ngành nghề kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Công ty	7
Điều 7: Người đại diện theo pháp luật	9

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 8: Vốn điều lệ	9
Điều 9: Vốn kinh doanh	10
Điều 10: Cổ phần	10
Điều 11: Cổ phiếu	10
Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	11
Điều 13: Cổ phần của cổ đông sáng lập	14
Điều 14: Sổ đăng ký cổ đông	14
Điều 15: Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần	15
Điều 16: Thanh toán tiền mua cổ phần	16
Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	16
Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	16
Điều 19: Thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại	17
Điều 20: Trả cổ tức	17
Điều 21: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	18
Điều 22: Thay thế người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông hoặc cổ đông	18

CHƯƠNG III
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 23: Cơ cấu tổ chức quản lý	19
---------------------------------------	----

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24: Nhiệm vụ và quyền hạn	20
Điều 25: Phương thức hoạt động	20
Điều 26: Thẩm quyền triệu tập họp và thông báo mời họp	21
Điều 27: Chương trình và nội dung họp	22
Điều 28: Quyền dự họp của cổ đông	22

Điều 29: Điều kiện tiến hành họp	23
Điều 30: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 31: Thông qua các quyết định.	25
Điều 32: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	27
Điều 33: Biên bản họp	28
Điều 34: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 35: Nhiệm vụ và quyền hạn	29
Điều 36: Cơ cấu và nhiệm kỳ.....	31
Điều 37: Thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 38: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 39: Điều kiện, thể thức họp hội đồng quản trị	34
Điều 40: Nguyên tắc thông qua quyết định	35
Điều 41: Biên bản họp	35
Điều 42: Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	36
Điều 43: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	37
C. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 44: Cơ cấu và nhiệm kỳ.....	38
Điều 45: Kiểm soát viên và Trưởng Ban kiểm soát.....	38
Điều 46: Quyền hạn và nhiệm vụ	39
Điều 47: Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	41
D. TỔNG GIÁM ĐỐC	
Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ	41
Điều 49: Công khai các lợi ích liên quan.....	43
Điều 50: Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	44
Điều 51: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	44
E. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	
Điều 52: Các đơn vị trực thuộc.....	45
Điều 53: Quyền hạn và nghĩa vụ của các đơn vị trực thuộc	47
CHƯƠNG IV	
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ THÔNG TIN	
Điều 54: Năm tài chính	46
Điều 55: Kế toán, kiểm toán	47
Điều 56: Chia cổ tức và trích lập các quỹ	47
Điều 57: Trình báo cáo hằng năm.....	48
Điều 58: Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty	48

Điều 59: Bảo hiểm	48
Điều 60: Công khai thông tin về Công ty	48
Điều 61: Các thông tin bảo mật và việc tiết lộ thông tin	49
Điều 62: Các thông tin về mâu thuẫn lợi ích	49

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 63: Tổ chức lại Công ty	50
Điều 64: Giải thể Công ty	50
Điều 65: Thanh lý Công ty	50
Điều 66: Phá sản	51
Điều 67: Giải quyết tranh chấp trong Công ty	51

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68: Các quy định khác	51
Điều 69: Hiệu lực thi hành	51
Điều 70: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	51

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chúng tôi, các cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh cùng đồng ý và ký tên chấp thuận bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh với các điều khoản như sau:

Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh
- b. “Cổ đông” là các tổ chức hay cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- c. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
- d. “Thông tin cổ đông” bao gồm họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
- e. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- f. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và ghi trong Điều lệ này.
- g. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- h. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- i. “Ban điều hành” có nghĩa là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.
- j. “Người quản lý Công ty” có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
- k. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào quy định trong Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- l. “Người có quan hệ gia đình” gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con

dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột vợ, em ruột của chồng” được quy định theo khoản 22 điều 4 luật doanh nghiệp 2020

m. “Người đại diện theo uỷ quyền” có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào được cổ đông là tổ chức uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định tại Điều lệ.

n. “Pháp luật” là tất cả các văn bản, quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22/6/2015.

o. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

p. Các tiêu đề đưa vào chỉ để tiện theo dõi không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

q. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I

CÁC QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hình thức pháp lý

1.1. Công ty được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

1.2. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty được thành lập và hoạt động theo qui định hiện hành của pháp luật và điều lệ tổ chức. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho người lao động trong việc thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức đó.

Điều 2. Tên và biểu tượng của Công ty

2.1. Tên Công ty:

a. Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

b. Tên bằng tiếng Anh: HO CHI MINH MUSEUM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

c. Tên viết tắt bằng tiếng anh: HCMCC

d. Mã chứng khoán: HMS

2.2. Biểu tượng của Công ty.



Điều 3. Con dấu của Công ty

3.1. Công ty có 01 con dấu. Nội dung con dấu của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Con dấu của Công ty được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.

3.2. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Trụ sở Công ty, chi nhánh và văn phòng đại diện

4.1. Trụ sở đăng ký kinh doanh và giao dịch của Công ty đặt tại: 381 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.38327414 - 024.38327412. FAX : 024.38329026.

4.2. Tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông Công ty có thể quyết định thay đổi vị trí trụ sở vào bất kỳ lúc nào. Việc thay đổi này không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty, trừ khi Công ty thay đổi hoạt động kinh doanh chính được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.3. Công ty có thể thành lập các Công ty con, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

5.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- a. Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây, trạm biến áp;
- b. Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, phụ kiện kim loại cho xây dựng, gạch Ceramic, gạch xây;
- c. Đầu tư, kinh doanh phát triển nhà;
- d. Lắp đặt các thiết bị cơ điện, điện lạnh; Trang trí nội ngoại thất;
- e. Phá dỡ các công trình kiến trúc, giải toả mặt bằng xây dựng;
- f. Tư vấn, xây dựng các dự án nhà ở đô thị, khu công nghiệp và các công trình xây dựng khác;
- g. Đầu tư, kinh doanh du lịch: Du lịch sinh thái, khách sạn và lữ hành;
- h. Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.

5.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty có thể được mở rộng, thu hẹp, thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với qui định của pháp luật.

5.3. Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam; và có thể mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và của pháp luật nước sở tại.

5.4. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập. Công ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo các quy định tại Điều lệ và của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

6.1. Quyền của Công ty

- a. Tự chủ kinh doanh; Chủ động lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn và hình thức kinh doanh, đầu tư; Chủ động mở rộng quy mô và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh;
- b. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng, ký kết hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc nhận bảo lãnh, hoặc các nghĩa vụ khác;
- c. Chủ động lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- d. Chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- e. Sử dụng tất cả các nguồn lực hợp pháp theo qui định hiện hành của pháp luật để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- f. Thực hiện hoạt động kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu theo đúng các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam và các qui định hiện hành của các quốc gia có liên quan;
- g. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động hợp pháp theo yêu cầu kinh doanh;
- h. Chiếm hữu, sử dụng, và định đoạt tất cả các tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác thuộc sở hữu của Công ty;
- i. Tổ chức thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết và hợp pháp để bảo vệ các tài sản và quyền lợi của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh;
- j. Lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo qui định hiện hành của pháp luật;
- k. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực trái pháp luật của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- l. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- m. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo qui định của pháp luật;
- n. Tự chủ quyết định các quan hệ nội bộ, thực hiện các hoạt động cần thiết khác mà luật pháp không cấm nhằm đạt các mục tiêu của Công ty;
- o. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của Công ty

- a. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã ghi trong Chứng nhận đăng ký kinh doanh; Bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo qui định của pháp luật về kế toán;

c. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

d. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa và dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

e. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; Thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;

f. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thống kê và báo cáo; Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g. Tuân thủ quy định của pháp luật về bản quyền, sở hữu trí tuệ, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;

h. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty;

i. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

7.1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật.

7.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định trong Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

7.3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, tạm giam đang chấp hành hình phạt tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ

8.1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

8.2. Vốn của các cổ đông đóng góp bằng tiền, tài sản hợp pháp của mình. Thời điểm góp vốn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

8.3. Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ. Các trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ bao gồm:

a. Tăng vốn góp của các cổ đông hiện có bằng việc góp vốn bổ sung hoặc thông qua việc chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.

b. Điều chỉnh mức tăng vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng của Công ty như việc giữ lại lợi nhuận để chuyển thành phần góp vốn cho các cổ đông.

c. Phát hành cổ phiếu mới; thủ tục phát hành cổ phiếu mới được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo tỷ lệ tương ứng giảm vốn hoặc mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

8.4. Sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh (tăng hoặc giảm) vốn điều lệ, Công ty phải tiến hành đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn qui định trước khi thực hiện việc thay đổi và công bố vốn điều lệ mới của mình theo quy định của pháp luật.

8.5. Vốn điều lệ được sử dụng cho việc mua sắm tài sản cố định và các hệ thống thiết bị, máy móc cần thiết cho hoạt động của Công ty; làm vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân khác; mua cổ phiếu và trái phiếu của các tổ chức phát hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong mọi trường hợp, Công ty không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức cho các cổ đông dưới mọi hình thức.

Điều 9. Vốn kinh doanh

Hội đồng quản trị được quyền quyết định việc huy động vốn từ những nguồn khác ngoài vốn điều lệ để kinh doanh theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 10. Cổ phần

1. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

2. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
- b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
- c) Cổ phần ưu đãi khác.

3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cổ phiếu

11.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d. Thông tin cổ đông đối với cổ phiếu có ghi tên;
- e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- g. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

11.2. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó sau 30 ngày kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị cấp cổ phiếu mới. Cổ đông sở hữu cổ phiếu bị mất phải đăng thông báo tại Công ty về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác trước khi gửi đề nghị cấp cổ phiếu mới cho Công ty. Đề nghị cấp cổ phiếu mới của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy; trường hợp bị mất thì cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

11.3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

11.4. Công ty phát hành cổ phiếu cho các cổ đông theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

12.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền cho chủ tọa Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc. Người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình và không được ủy quyền lại;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Được quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp là cổ đông sáng lập qui định tại khoản 13.3, Điều 13 của Điều lệ này;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp dưới đây:

h.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý Công ty quy định tại Điều 51 của Điều lệ này hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền phải được kèm theo yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

h.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

h.3. Các trường hợp khác qui định tại Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có thông tin cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu

trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền:

i.1. Kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

i.2. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

i.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có thông tin cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

i.4. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này.

12.2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

a. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

c. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e. Phải hoàn trả cho Công ty; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại:

e.1. Số tiền hoặc tài sản khác đã nhận được từ việc Công ty thanh toán các cổ phần được mua lại theo quy định tại các Điều 17 và 18 của Điều lệ này và việc thanh toán đó trái với quy định tại khoản 19.1, Điều 19 của Điều lệ này;

e.2. Số cổ tức được chia không hợp pháp theo quy định tại khoản 20.1; 20.2, Điều 20 của Điều lệ này;

f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- f.1. Vi phạm pháp luật;
- f.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- f.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Cổ phần của cổ đông sáng lập

13.1. Các cổ đông sáng lập phải góp đủ số cổ phần đã cam kết trong thời hạn quy định tại Điều lệ này. Trường hợp các cổ đông sáng lập không góp đủ số cổ phần đã cam kết góp thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:

a. Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty;

b. Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó.

13.2. Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

13.3. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

14.1. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông gồm có các nội dung sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Thông tin cổ đông; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông và ngày đăng ký cổ phần.

14.2. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác, nhưng Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

14.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông tại nơi lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.

14.4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 15. Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

15.1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần trong sổ cổ phần được chào bán. Giá bán không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc cho người bảo lãnh. Trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán và phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

15.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông phổ thông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể chào bán số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông phổ thông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

15.3. Cổ phần được xem là đã bán hoặc đã được chuyển nhượng khi những thông tin quy định tại khoản 14.1, Điều 14 của Điều lệ này đã được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm này, người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty.

15.4. Cổ đông của Công ty được tự do mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp cổ phần mà mình sở hữu trừ các trường hợp hạn chế sau:

Cổ phần của cổ đông sáng lập được thực hiện theo quy định tại khoản 13.3, Điều 13 của Điều lệ này.

15.5. Việc chào bán, chuyển nhượng cổ phần của Công ty cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.6. Trong trường hợp cổ đông chết thì người thừa kế hợp pháp có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của cổ đông đã chết. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng quyền thừa kế hợp pháp của cổ đông và thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần cho cổ đông mới. Công ty có quyền chưa thừa nhận việc thừa kế khi có tranh chấp giữa những người thừa kế.

Điều 16. Thanh toán tiền mua cổ phần

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hợp pháp khác và phải được thanh toán đầy đủ.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

17.1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ thông tin cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điều này.

17.2. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại điều này theo giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

18.1. Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần đã phát hành theo quy định dưới đây. 18.2. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc mua lại từ 10% tổng số cổ phần đã phát hành trở xuống trong vòng 12 tháng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;

18.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty qui định tại khoản 18.2 của điều này.

18.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo mua lại cổ phần phải nêu rõ tên và trụ sở Công ty, tổng

số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc công thức định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán cổ phần được mua, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của mình đến Công ty.

18.4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có thông tin cổ đông, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán, phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

18.5. Cổ phần được mua lại có thể được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản khác.

Điều 19. Thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

19.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

19.2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

19.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

Điều 20. Trả cổ tức

20.1. Cổ tức trả cho cổ đông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

20.2. Mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức trên cơ sở Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, xác định mức cổ tức được chia đối với từng cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thời hạn và hình thức trả cổ tức, chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

20.3. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ thông tin cổ đông, số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức, họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

20.4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty, trừ trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng có thỏa thuận khác.

20.5. Cổ tức có thể được chia bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty được cổ đông thông báo đầy đủ các thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

20.6. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 19.1, Điều 19 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại khoản 20.1, 20.2 Điều 20 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, cổ phần đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, cổ phần đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 22. Thay thế người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông

22.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thông tin cổ đông;
- b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- c. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- d. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

22.2. Cổ đông là tổ chức thay đổi người đại diện theo uỷ quyền mà người đó đang là thành viên Hội đồng quản trị thì người đại diện mới của cổ

đồng là tổ chức đó đương nhiên được kế thừa chức danh thành viên Hội đồng quản trị.

22.3. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị phá sản thì sau khi quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực pháp luật, số cổ phần đó hoặc Công ty sẽ mua lại cổ phần của cổ đông là tổ chức này theo quy định của Hội đồng thanh lý tài sản của cổ đông tổ chức trên cơ sở giá quy định tại khoản 15.1, Điều 15 của Điều lệ này, hoặc chuyển quyền sở hữu cho chủ nợ được Hội đồng thanh lý tài sản của cổ đông tổ chức tuyên bố là chủ sở hữu hợp pháp đối với số cổ phần đó. Chủ nợ là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần nói trên có quyền nhượng lại cho tổ chức, cá nhân khác theo đúng quy định của pháp luật.

22.4. Trường hợp tổ chức được tổ chức lại thì tổ chức kế thừa sẽ tiếp nhận quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của tổ chức được tổ chức lại sau khi gửi cho Công ty văn bản đề nghị việc thay thế đại diện cổ đông, đồng thời gửi kèm các văn bản pháp lý theo luật định có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức về việc sáp nhập, chia tách, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức.

22.5. Trường hợp bất kỳ cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay tổ chức được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động:

- a. Những người thừa kế (*đối với cá nhân*);
- b. Những người hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (*đối với tổ chức*);
- c. Những người hay tổ chức thừa kế hay kế thừa theo quyết định của toà án.

Người đại diện này được coi là người sở hữu cổ phần của cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác của Công ty.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm có: (1) Đại hội đồng cổ đông, (2) Hội đồng quản trị, (3) Ban điều hành và (4) Ban kiểm soát.

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty với nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 24.1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- 24.2. Quyết định việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty; thông qua định hướng phát triển của Công ty do Hội đồng quản trị đề nghị;
- 24.3. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ và thay đổi mệnh giá cổ phiếu;
- 24.4. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- 24.5. Quyết định việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, chia và tách, giải thể Công ty;
- 24.6. Quyết định các dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 24.7. Bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 24.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 24.9. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 24.10. Quyết định liên quan việc xem xét, giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của Công ty;
- 24.11. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, các quỹ và mức trả cổ tức của từng loại cổ phần;
- 24.12. Thông qua các báo cáo cùng tài liệu khác có liên quan của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 24.13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Phương thức hoạt động

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành dưới các hình thức sau:

- 25.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu được Hội đồng quản trị uỷ quyền triệu tập mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm Tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng.
- 25.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường do người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 26.1, Điều 26 của Điều lệ này triệu tập để giải quyết các công việc của Công ty theo qui định tại Điều lệ này.

Điều 26. Thẩm quyền triệu tập họp và thông báo mời họp

- 26.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị do xét thấy vì lợi ích của Công ty;

b. Theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông qui định tại điểm j, khoản 12.1, Điều 12 của Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

26.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng quy định tại khoản 26.1 của điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

26.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 26.2 của điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

26.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 26.3 của điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm j, khoản 12.1, Điều 12 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

26.5. Người triệu tập họp phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

26.6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp.

26.7. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

26.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và

ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty <http://hcmcc.com.vn>

26.9. Tất cả chi phí cho việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 26.2, 26.3, và 26.4 của điều này sẽ được Công ty hoàn trả.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp

27.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm j, khoản 12.1, Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ thông tin cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

27.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 27.1 của điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

27.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 27.1 của điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường hợp quy định tại khoản 27.2 của điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại phiên khai mạc của cuộc họp.

Điều 28. Quyền dự họp của cổ đông

28.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 22.1, Điều 22 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn, văn bản uỷ quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ họ tên, tổ chức được uỷ quyền và số lượng cổ phần được uỷ quyền. Người được

ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Sự thay thế không được gây trở ngại cho hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.

28.2. Người được ủy quyền của cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông không nhất thiết là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền dự họp không được ủy quyền lại.

28.3. Việc ủy quyền cho người khác đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký sống của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp. Khi đi họp người được ủy quyền phải mang theo giấy tờ tùy thân (chứng minh thư nhân dân/ hoặc hộ chiếu).

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp.

28.4. Việc ủy quyền được thực hiện từng lần và bằng văn bản. Người ký văn bản ủy quyền có thể thay đổi, hoặc thu hồi sự ủy quyền bằng một thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp cho Hội đồng quản trị chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

28.5. Trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp dưới đây chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp dưới đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

28.6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành họp và được coi là hợp lệ trong các điều kiện sau:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định cuộc họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

30.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, cổ đông phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

30.2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên của Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử Thư ký không quá ba người để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

30.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

30.4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

30.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết

tán thành, không tán thành và không có ý kiến Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

30.6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

30.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

30.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp dưới đây (Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc):

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

30.8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 30.8 của điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 31. Thông qua các quyết định

31.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

31.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
b. Định hướng phát triển công ty;
c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

f. Quyết định việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, chia và tách, giải thể Công ty;

g. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, các quỹ và mức trả cổ tức của từng loại cổ phần;

h. Quyết định việc bán cổ phần cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật;

31.3. Nghị quyết Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 31.4; 31.8 Điều này:

a.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

a.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

a.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

a.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

a.5. Tổ chức lại, giải thể công ty;

b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản a mục 31.3; 31.4; 31.8 Điều này.

31.4. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

31.5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

31.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất

đồng ý kiến. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

31.7. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét tại Đại hội đồng cổ đông, mọi sự phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào bất kỳ lúc nào, nơi nào khác đều được coi là không hợp lệ.

31.8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Điều 32. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

32.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh Nghiệp. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Thông tin cổ đông; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

32.2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết

32.3. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

32.4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

32.5. Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; và về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

32.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

32.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

33.1. Tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều phải lập biên bản họp và được ghi vào sổ biên bản của Công ty.

33.2. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt, phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chủ tọa và Thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

33.3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

33.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

33.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

33.6. Trừ những người theo quy định của pháp luật đương nhiên có quyền xem sổ biên bản và các tài liệu theo điều này, những người khác muốn xem Sổ biên bản và các tài liệu này phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

33.7. Sổ biên bản, các tài liệu theo điều này được lưu giữ cùng với Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 34. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

34.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này;

34.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn

35.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quản lý Công ty. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

35.2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tập thể trước Đại hội đồng cổ đông về việc quản lý Công ty theo pháp luật, theo Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

35.3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; quyết định giải pháp vốn, thị trường, tiếp thị và công nghệ;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định việc thành lập hoặc đóng cửa Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài; và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, đối với Ban điều hành; Trưởng các phòng ban Công ty, Giám đốc các Xí nghiệp và Đội trưởng trực thuộc Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và những người đó.

e. Thông qua các vấn đề chung về tiền lương, nhân sự và việc làm theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

f. Ban hành và giám sát việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật áp dụng trong Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

g. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

h. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

i. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

j. Quyết định việc chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định việc huy động vốn thêm theo các hình thức khác;

k. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

l. Tổ chức việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và theo quy định của pháp luật;

m. Quyết định việc định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

n. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty theo quy định tại khoản 18.1 Điều 18 của Điều lệ này;

o. Quyết định các dự án đầu tư và mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc qui định tại khoản 48.4, Điều 48 của Điều lệ này;

p. Quyết định tất cả các hợp đồng tín dụng, vay và cho vay của Công ty; trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc qui định tại khoản 48.4, Điều 48 của Điều lệ này;

q. Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 50.1 và khoản 50.3, Điều 50 của Điều lệ này;

r. Triệu tập, chuẩn bị chương trình và nội dung họp, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

s. Xem xét và thông qua các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính hàng quý của Công ty do Tổng giám đốc đệ trình;

t. Xem xét và trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

u. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v. Quyết định việc kiện tụng, theo dõi kết quả mọi tranh chấp của Công ty.

x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

35.4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 36. Cơ cấu và nhiệm kỳ

36.1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

36.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm.

36.3. Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

36.4. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba, để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

36.5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

36.7. Trong nhiệm kỳ, nếu cổ đông là tổ chức thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị thì chức danh thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên được kế thừa cho người đại diện theo uỷ quyền

mới của cổ đông đó. Khi đó cổ đông là tổ chức phải gửi văn bản đề nghị Hội đồng quản trị xem xét và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông biết tại phiên họp gần nhất.

Điều 37. Thành viên Hội đồng quản trị

37.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe và đủ khả năng quản lý và phẩm chất để hoàn thành nghĩa vụ xây dựng và phát triển Công ty;

b. Người không phải là cổ đông của Công ty thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;

c. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án tù mà chưa được xóa án tích.

37.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

37.3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh trong Ban điều hành hoặc các chức danh quản lý khác nếu không có quy định khác của pháp luật.

37.4. Thành viên Hội đồng quản trị:

a. Không chịu trách nhiệm cá nhân về những hậu quả của việc mình làm nhân danh Công ty mà những việc đó do Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm;

b. Chịu trách nhiệm cá nhân khi có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ này, và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

37.5. Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi:

a. Có đơn xin từ chức;

b. Không đủ điều kiện sức khỏe theo xác nhận của cơ quan y tế;

c. Bị cổ đông hoặc nhóm cổ đông, hoặc tổ chức cử làm đại diện tham gia Hội đồng quản trị bãi miễn hoặc rút ủy quyền;

d. Không có đủ năng lực, tiêu chuẩn đảm nhiệm công việc với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều lệ này và bị bãi miễn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

f. Bị hạn chế quyền công dân khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc đang phải chấp hành phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;

g. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

37.6. Các trường hợp bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:

a. Bị miễn nhiệm theo quyết định của pháp luật bắt buộc họ phải từ chức. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị không được từ chức nếu luật pháp không cho phép hoặc Đại hội đồng cổ đông yêu cầu thành viên đó phải giải quyết các vấn đề tồn đọng của Công ty;

b. Bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty;

c. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

37.7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành và những người quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

38.1. Hội đồng quản trị bầu một trong số những Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

38.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông về hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ký các nghị quyết và quyết định thông báo về các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

g. Thay mặt HĐQT ký kết Hợp đồng thuê/Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

38.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có văn bản ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu, theo nguyên tắc đa số quá bán, một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

38.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

38.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày

Điều 39. Điều kiện, thể thức họp Hội đồng quản trị

39.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

39.2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

39.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của một trong các đối tượng dưới đây. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Ban kiểm soát;
- c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

39.4. Các phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 39.3 của điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

39.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

39.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

39.7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

39.8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 40. Nguyên tắc thông qua quyết định

40.1. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc bàn bạc tập thể và thông qua quyết định bằng biểu quyết. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

40.2. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

40.3. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất trí với các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến.

40.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký thông báo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp

41.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản có đánh số trang liên tục, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Biên bản họp cũng được lập đồng thời dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp và phải được đóng dấu giáp lai.

41.2. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- f. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g. Các quyết định đã được thông qua;
- h. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- i. Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- j. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 42. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

42.1. Khi có vấn đề cần giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập họp, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản qua thư tín, fax gửi các thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề cần giải quyết để có căn cứ quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, có các nội dung chủ yếu dưới đây, dự thảo quyết định của Hội đồng quản trị và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tại Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị.

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên Hội đồng quản trị;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Chủ tịch Hội đồng quản trị phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Nếu quá thời hạn nêu trên mà thành viên Hội đồng quản trị không gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như không có ý kiến.

42.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổng Giám đốc và ít nhất một người quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số thành viên đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết gửi về và số phiếu biểu quyết không gửi về;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.

42.3. Quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức này khi có ít nhất ba phần tư số ý kiến tán thành.

42.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; và về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

42.5. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

42.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

43.1. Thành viên Hội đồng quản trị được trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác theo quy định dưới đây.

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương công việc và tiền thưởng. Tiền lương công việc được trả theo mức cố định hàng tháng. Tiền thưởng căn cứ vào hiệu quả kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

43.2. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

C. BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Cơ cấu và nhiệm kỳ

44.1. Ban kiểm soát có ba thành viên, gọi là Kiểm soát viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm.

44.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một Kiểm soát viên có chuyên môn về tài chính kế toán, kiểm toán, hiểu biết về pháp luật, có thâm niên chuyên ngành nói trên từ ba năm trở lên.

44.3. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 45. Kiểm soát viên và Trưởng Ban kiểm soát

45.1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, của Tổng giám đốc và người quản lý khác
- c. Không phải là người quản lý Công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty
- e. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó
- f. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

45.2. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị,

chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này;

f. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d của khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

g. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c của khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

45.3. Các Kiểm soát viên bầu một trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông về hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;

c. Tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d. Tiếp nhận và tổ chức xử lý các tài liệu, báo cáo do Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, và Ban điều hành gửi đến Ban kiểm soát.

e. Thay mặt các Kiểm soát viên ký tất cả các tài liệu, báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi đến Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

45.4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát:

a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 của điều này;

a.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

a.3. Có đơn xin từ chức;

b. Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a của khoản này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 46. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

46.1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

46.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

46.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

46.4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

46.5. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

46.6. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

46.7. Xem xét, kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, từng vấn đề, công việc cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông. Khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

46.8. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết;

46.9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;

46.10. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 51 của Điều lệ này;

46.11. Yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, và các chức danh quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;

46.12. Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc;

46.13. Được quyền nhận các báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

46.14. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chi phí sử dụng tư vấn độc lập nằm trong ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;

46.15. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên

47.1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của Kiểm soát viên.

47.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

47.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan; phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

D. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Quyền hạn và nhiệm vụ

48.1. Hội đồng quản trị có thể lựa chọn một trong số các thành viên HĐQT hoặc bất kỳ cá nhân nào đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm và ký Hợp đồng thuê Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

48.2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

48.3. Tổng giám đốc phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

48.4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ này và Hợp đồng tuyển dụng, cụ thể như sau:

a. Quyết định, tổ chức và điều hành tất cả các công việc, vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vẫn có trách nhiệm thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản để trình Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất;

c. Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị nếu nghị quyết này trái pháp luật, trái Điều lệ này. Khi từ chối thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;

d. Quyết định tất cả các vấn đề mà những vấn đề đó không cần có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm cả việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng dân sự, tài chính, thương mại;

e. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng quản trị. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết công việc khẩn cấp của Công ty. Khi yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường nêu trên, Tổng giám đốc phải thông báo về nội dung chương trình nghị sự dự kiến cần giải quyết tại cuộc họp;

f. Kiến nghị kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

g. Quyết định các dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

h. Quyết định các hợp đồng tín dụng, vay và cho vay có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i. Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;

k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tất cả các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định lương và phụ cấp đối với người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua các vấn đề về tiền lương;

l. Tuyển dụng lao động; quyết định tiền lương và phụ cấp đối với người lao động sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua các vấn đề về lao động và tiền lương;

m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

n. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty, hợp đồng tuyển dụng ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

48.5. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm do thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng quản trị đề ra, hoặc do vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc tài chính, kế toán của Công ty, pháp luật hiện hành của nhà nước và Điều lệ này.

48.6. Giúp việc cho Tổng giám đốc có một hoặc một số Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Quyền hạn, nhiệm vụ của các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ban điều hành.

Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan

49.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

49.2. Việc kê khai quy định tại khoản 49.1 của điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan,

phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

49.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 50. Các hợp đồng, giao dịch cần phải được chấp thuận

50.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành;
- c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và b khoản 49.1, Điều 49 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

50.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

50.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 50.2 của Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

50.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 50.2 và 50.3 của điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 51. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

51.1. Người quản lý Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;

d. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối.

51.2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

c. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

d. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại hai điểm b; c khoản này.

E. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 52. Các đơn vị trực thuộc

Tổng giám đốc Công ty được quyền chủ động tổ chức (thành lập giải thể) các bộ phận, đơn vị trực thuộc theo yêu cầu của nhiệm vụ, sau khi có nghị quyết của cấp uỷ Đảng và Hội đồng quản trị. Các đơn vị trực thuộc bao gồm:

52.1. Các Xí nghiệp trực thuộc, hạch toán phụ thuộc.

52.2. Các Đội, Xưởng trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán báo sổ.

Điều 53. Quyền hạn và nghĩa vụ của các đơn vị trực thuộc

53.1. Các Xí nghiệp, đội xưởng trực thuộc Công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty. Chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty theo quy chế quản lý kinh tế của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.

53.2. Được hưởng quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của Công ty.

53.3. Công ty giữ quyền quản lý, không phân cấp cho các Xí nghiệp, Đội xưởng trực thuộc về công tác tổ chức bộ máy quản lý ở các Xí nghiệp, Đội xưởng, công tác cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, kỷ luật, cho thôi việc công nhân viên. Tuyển dụng cán bộ thời hạn 3 tháng trở lên. Tuyển dụng công nhân vào làm hợp đồng có thời hạn từ 1 năm trở lên (riêng đối với các Đội, Xưởng trực thuộc, cán bộ công nhân viên vào làm hợp đồng có tính thời vụ đều phải qua Công ty (Phòng Tổ chức lao động) để trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.

53.4. Chế độ phân cấp quản lý về tổ chức lao động, kinh tế, kỹ thuật, chất lượng, về tài chính và các lĩnh vực khác thực hiện theo sự phân cấp của Công ty theo từng giai đoạn cụ thể phù hợp với những diễn biến khách quan của hoạt động sản xuất kinh doanh.

53.5. Trong khuôn khổ biên chế được Công ty phê duyệt. Các Xí nghiệp, đội xưởng trực thuộc có nghĩa vụ, trách nhiệm và được quyền chủ động bố trí sử dụng lực lượng lao động hợp lý khoa học, đảm bảo phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động trí óc và lao động chân tay, của người quản lý, tạo điều kiện cho mỗi quan hệ lao động được hài hoà ổn định. Nhằm đạt được năng suất, chất lượng, hiệu quả. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống của người lao động.

53.6. Chịu trách nhiệm đến cùng trước Tổng giám đốc công ty về kết quả sản xuất kinh doanh, về các khoản nợ, về an toàn lao động, về chất lượng, về bảo hộ lao động ..v..v.. trong phạm vi kế hoạch sản xuất Công ty giao cho.

53.7. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi hoạt động điều hành của Tổng giám đốc. Thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật Nhà nước trong quản lý điều hành của Công ty.

53.8. Chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi tài chính đối với Công ty. Chịu trách nhiệm đến cùng về nghĩa vụ tài chính với Công ty.

53.9. Phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc hợp đồng giao khoán của Công ty và chịu trách nhiệm về chi phí thực tế, giá thành công trình.

53.10. Để việc chi trả lương không vượt quá dự toán. Trước khi giao khoán các đơn vị phải xây dựng đơn giá khoán hợp lý có sự phê duyệt của Công ty.

53.11. Cơ chế tài chính, phương thức giao khoán giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc theo qui định của Công ty phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh cụ thể, đảm bảo hài hoà quyền lợi của cả hai bên, khuyến khích kinh doanh phát triển.

53.12. Giám đốc Xí nghiệp, Đội trưởng, Xưởng trưởng chịu trách nhiệm cá nhân, toàn bộ trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả điều hành hoạt động của đơn vị.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ THÔNG TIN

Điều 54. Năm tài chính

54.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

54.2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 55. Kế toán, kiểm toán

55.1. Công ty chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo luật kế toán và thống kê, các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.

55.2. Công ty thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

55.3. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải phản ánh trung thực tài sản có, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của Công ty.

55.4. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được công khai và được kiểm toán bởi một trong số các Công ty kiểm toán độc lập có uy tín và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

55.5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ bảo quản, lưu giữ hồ sơ tài liệu kế toán hiện hành. Tất cả các văn bản, chứng từ có liên quan đến tài chính phải được lưu tại văn phòng Công ty trong năm năm liền để các cổ đông xem xét khi cần thiết.

55.6. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a. Bảng cân đối kế toán;
- b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d. Thuyết minh báo cáo tài chính;

Điều 56. Chia cổ tức và trích lập các quỹ

56.1. Điều kiện chia cổ tức theo quy định tại khoản 20.1, Điều 20 của Điều lệ này.

56.2. Lợi nhuận ròng của Công ty cuối mỗi năm tài chính là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính đó.

56.3. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thay đổi tỷ lệ trích lập các quỹ phù hợp với pháp luật hiện hành trong cuộc họp thường niên. Cụ thể như sau:

a) Quỹ đầu tư phát triển: Ít nhất bằng 2% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn Điều lệ và dự trữ tài chính cho năm sau, khi số dư quỹ bằng 25% vốn Điều lệ thì không trích nữa. Quỹ này dùng để chi:

- a.1. Bù đắp những tổn thất rủi ro, thiên tai, dịch họa.
- a.2. Bù lỗ những trường hợp bị thua lỗ, bổ sung vốn điều lệ, trả cổ tức cho cổ đông trong những năm kinh doanh kém hiệu quả. (Với điều kiện sau khi chi các khoản này phải đảm bảo số dư còn lại bằng 10% vốn điều lệ).

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tối thiểu bằng 4% lợi nhuận sau thuế nhưng không vượt quá 15% lợi nhuận sau thuế.

Điều 57. Trình báo cáo hằng năm

57.1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo quản trị và báo cáo thường niên.

57.2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 57.1 của điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

57.3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị gồm báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán được công bố trước ngày đại hội theo quy định của luật

57.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 57.1 của điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 58. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

58.1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

- a. Điều lệ này; sửa đổi, bổ sung Điều lệ này; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
- b. Chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
- e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- e. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

58.2. Các tài liệu quy định tại khoản 58.1 của điều này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thời hạn lưu giữ tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Bảo hiểm

Các tài sản của Công ty có thể được mua bảo hiểm tại một Công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại tài sản cần mua bảo hiểm, loại, giá trị, thời hạn mua bảo hiểm ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định.

Điều 60. Công khai thông tin về Công ty

60.1. Công ty công khai tất cả các thông tin về Công ty và người quản lý cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng các qui định hiện hành của pháp luật và các qui định của Điều lệ này.

60.2. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan; đồng thời tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

60.3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép các thông tin về Công ty và báo cáo tài chính hằng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 61. Các thông tin bảo mật và việc tiết lộ thông tin

61.1. Tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào, mà Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và nhân viên Công ty có được, phát triển, nhận được hoặc sở hữu trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, nằm ngoài qui định công khai thông tin tại Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đều được xem là thông tin bảo mật.

61.2. Không một ai trong số các cổ đông, người quản lý Công ty, Ban kiểm soát, và nhân viên của Công ty hoặc bất kỳ người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các thông tin bảo mật của Công ty qui định tại khoản 61.1 của Điều này nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 62. Các thông tin về mâu thuẫn lợi ích

62.1. Mâu thuẫn lợi ích nảy sinh khi cổ đông, người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty và những người có liên quan của họ tham gia các hoạt động bên ngoài Công ty liên quan đến ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty trong thời gian họ đang hoạt động tại Công ty.

62.2. Trước khi tham gia hoạt động tại Công ty, tất cả các cổ đông, người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty phải công khai tất cả các thông tin về mâu thuẫn lợi ích với Hội đồng quản trị.

62.3. Hội đồng quản trị qui định cụ thể việc công khai thông tin về mâu thuẫn lợi ích qui định tại điều này và cách thức xử lý đối với cổ đông, người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty trong trường hợp nảy sinh mâu thuẫn lợi ích.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 63. Tổ chức lại Công ty

63.1. Trong quá trình tồn tại, để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, có thể chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.

63.2. Trường hợp pháp luật bắt buộc phải tổ chức lại Công ty, việc thay đổi được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Giải thể Công ty

64.1. Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi:

a.1. Mục tiêu của Công ty không đạt được hoặc sự tồn tại của Công ty không có lợi;

a.2. Công ty gặp khó khăn không thể vượt qua trong các trường hợp bất khả kháng.

a.3. Có yêu cầu giải thể của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 75% số vốn điều lệ;

b. Trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

c. Không đủ số cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;

64.2. Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

64.3. Việc giải thể Công ty tiến hành đồng thời với việc giải thể các Công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty.

64.4. Thủ tục giải thể Công ty được tiến hành theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 65. Thanh lý Công ty

65.1. Nếu Công ty bị chấm dứt hoạt động theo Điều 64 thì sẽ áp dụng điều khoản này. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông để phê chuẩn việc thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý là người đại diện của Công ty thực hiện các thủ tục thanh lý Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và

thủ tục chấm dứt hoạt động của Công ty, kể cả các công việc phát sinh trong quá trình thanh lý như việc kiện tụng, công nợ, v.v...

65.2. Khi thanh lý Công ty, Ban thanh lý sẽ tiến hành chào bán các tài sản của Công ty theo giá không thấp hơn đơn giá đã được xác định bằng sự đánh giá khách quan do một bên đánh giá độc lập thứ ba được Hội đồng quản trị chỉ định.

65.3. Ban thanh lý Công ty gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong lĩnh vực này. Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức Trưởng Ban thanh lý.

65.4. Ban thanh lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Tiến hành kiểm kê toàn bộ các tài sản của Công ty, các khoản nợ và các khoản vay để soạn thảo bản kê khai tài sản có và tài sản nợ. Đánh giá hoặc định giá các tài sản vô hình và lợi ích khác của Công ty;

b. Lập kế hoạch và tiến hành thanh lý các hợp đồng và thanh toán các khoản vay, nợ;

c. Trình Biên bản thanh lý lên Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc thanh lý và thanh toán. Chi phí thanh lý bao gồm cả tiền lương và các khoản phụ cấp cho các thành viên Ban thanh lý;

d. Gửi hồ sơ về giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng qui định hiện hành của pháp luật.

65.5. Nếu Công ty bị chấm dứt hoạt động theo Điều 64, các tài sản còn lại của Công ty sau khi thanh toán mọi nghĩa vụ theo quy định sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn của họ góp vào Công ty. Không cổ đông nào bị ép buộc phải chấp nhận bất cứ tài sản nào của Công ty.

Điều 66. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Điều 67. Giải quyết tranh chấp trong Công ty

67.1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông của Công ty được giải quyết bằng thương lượng, hoà giải và thủ tục trọng tài giữa các bên có tranh chấp. Trường hợp không giải quyết được thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra phân xử tại toà án có thẩm quyền.

67.2. Trường hợp tranh chấp giữa một cổ đông của Công ty với Công ty cũng được giải quyết theo trình tự tại khoản 67.1 của điều này. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty sẽ là đại diện hợp pháp của Công ty trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 67.3 của điều này.

67.3. Trường hợp tranh chấp giữa cổ đông của Công ty giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị với Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải từ chức và Hội đồng quản trị Công ty sẽ bầu một người trong số các thành viên Hội

đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời trong thời gian chờ triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Các quy định khác

Nếu còn có phạm vi mà Điều lệ này chưa điều chỉnh thì sẽ được áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Các điều khoản của Điều lệ này có thể được bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông qui định tại Điều 68.

Điều lệ này ràng buộc những người thừa kế của các cổ đông, những người được chuyển nhượng các lợi ích và nghĩa vụ sau này của Công ty.

Điều 69. Hiệu lực thi hành

Điều lệ sửa đổi, bổ sung này thay thế cho bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 6 năm 2018. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 6 năm 2021.

Điều 70. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

70.1. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có điều khoản nào trong Điều lệ này không phù hợp với các quy định mới của pháp luật thì qui định mới đó đương nhiên có hiệu lực thay thế các điều khoản đó.

70.2. Mọi bổ sung, sửa đổi Điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ biểu quyết quy định tại điểm b, khoản 31.3, Điều 31 của Điều lệ này.

Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này gồm 06 Chương và 70 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từng chương, từng điều và thuận toàn văn.

Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được lập thành 12 bản có giá trị như nhau để nộp cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục Điều lệ sửa đổi, bổ sung này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị ký xác nhận hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận bản sao./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT KÝ TÊN

ĐOÀN VĂN KHANG NG. VĂN HIỀN TRẦN THỊ HOA ĐỖ VIỆT THI PHẠM MINH ĐỨC